

9/14

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

PM

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành nhiệt lạnh
(22812601)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-11

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123180057	Đặng Quốc	Bảo	16/06/2005	CCQ2318B		Bảo	7.3	4.8	5.8	
2	2123180069	Huỳnh Công	Bảo	03/12/2005	CCQ2318B		Bảo	6.3	3.2	4.4	
3	2123180029	Phạm Đức	Bảo	13/06/2005	CCQ2318A		Đức	7.0	4.4	5.4	
4	2123180011	Trần Tấn	Bảo	02/04/2005	CCQ2318A		Tấn	7.3	3.8	5.2	
5	2123180035	Trần Tiến	Bình	21/09/2005	CCQ2318A		Bình	7.3	4.8	5.8	
6	2123180003	Trương Văn	Bon	23/07/2005	CCQ2318A		Bon	5.0	5.6	5.4	
7	2123180012	Nguyễn Đức	Cảnh	11/07/2005	CCQ2318A		Cảnh	7.0	7.8	7.5	
8	2123180010	Võ Hoàng	Chánh	28/10/1995	CCQ2318A		Chánh	6.0	7.4	6.8	
9	2123180041	Võ Văn	Đại	09/08/2005	CCQ2318B			0.0			
10	2123180067	Nguyễn Văn	Danh	26/03/2005	CCQ2318B		Danh	8.3	6.0	6.9	
11	2123180043	Phan Văn	Định	31/12/2005	CCQ2318B		Định	6.7	6.6	6.6	
12	2123180061	Lương Duy	Đoan	06/03/2005	CCQ2318B			0.0			
13	2123180050	Nguyễn Quang	Đông	23/11/2005	CCQ2318B		Đông	7.3	5.2	6.0	
14	2123180039	Huỳnh Thái	Dương	10/01/2005	CCQ2318B		Thái	7.3	5.6	6.3	
15	2123180124	Lê Quang	Duy	15/12/2005	CCQ2318A		Duy	7.7	6.6	7.0	
16	2123180027	Lê Văn	Hạ	17/07/2005	CCQ2318A		Hạ	6.3	6.0	6.1	
17	2123180005	Đoàn Công	Hiền	02/08/2005	CCQ2318A		Hiền	6.0	7.4	6.8	
18	2123180024	Phạm Xuân	Hiệp	25/05/2005	CCQ2318A			0.0			
19	2121180022	Hồ Châu Ngọc	Hiếu	24/01/2003	CCQ2118A		Hiếu	6.7	6.4	6.5	
20	2123180018	Trần Quốc	Hung	15/07/2004	CCQ2318A		Quốc	6.7	4.6	5.4	
21	2121180023	Lê Đăng	Huy	28/04/2003	CCQ2118A		Huy	7.3	6.6	6.9	
22	2123180036	Hồ Vĩnh	Khang	26/10/2005	CCQ2318B		Vĩnh	6.7	6.8	6.8	
23	2123180017	Đặng Duy	Khánh	26/03/2005	CCQ2318A		Duy	6.7	3.4	4.7	
24	2123180016	Nguyễn Đỗ Anh	Khoa	31/03/2005	CCQ2318A		Anh	6.7	3.2	4.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành nhiệt lạnh
(22812601)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123180022	Hồ Trọng	Kiên	09/11/2005	CCQ2318A		Kiên	7.3	7.0	7.1	
2	2123180051	Trương Gia	Kiệt	10/01/2001	CCQ2318B		Kiệt	7.0	7.0	7.0	
3	2123180068	Lê Văn	Lương	20/03/2005	CCQ2318B		Lương	8.7	7.2	7.8	
4	2123180129	Dương Nhật	Nguyên	15/09/2004	CCQ2318A		Nguyên	7.0	6.6	6.8	
5	2123180056	Trần Ngọc	Phong	08/08/2005	CCQ2318B		Phong	8.7	8.0	8.3	
6	2123180032	Nguyễn Huỳnh Anh	Phú	07/08/2005	CCQ2318A		Phú	7.7	7.8	7.8	
7	2123180122	Nguyễn Tấn	Phú	07/01/2005	CCQ2318A		Phú	7.3	8.2	7.8	
8	2123180033	Hồ Vũ	Phước	22/03/2002	CCQ2318A		Phước	8.3	7.8	8.0	
9	2123180099	Huỳnh Vũ Minh	Quân	05/06/2005	CCQ2318A		Quân	6.0	5.4	5.6	
10	2123180009	Lê Anh	Quân	15/03/2005	CCQ2318A		Quân	7.7	5.4	6.3	
11	2123180063	Nguyễn Minh	Quân	04/03/2005	CCQ2318B		Quân	5.0	4.8	4.9	
12	2123180028	Trần Ngọc	Quý	04/02/2005	CCQ2318A		Quý	5.5	6.4	6.0	
13	2123180002	Lê Chí	Tâm	01/09/2004	CCQ2318A		Tâm	8.3	6.6	7.3	
14	2123180049	Trương Thành	Tâm	05/11/2005	CCQ2318B			0.0			
15	2123180030	Nguyễn Đức	Thắng	06/11/2005	CCQ2318A		Thắng	8.3	7.4	7.8	
16	2123180026	Trần Quang	Thắng	25/01/2005	CCQ2318A		Thắng	8.7	7.6	8.0	
17	2123180100	Huỳnh Công	Thành	26/05/2005	CCQ2318A		Thành	5.7	5.4	5.5	
18	2123180106	Phan Nhật Anh	Tiến	10/03/2004	CCQ2318A		Tiến	7.0	7.4	7.2	
19	2123180031	Nguyễn Thành	Tính	01/01/2005	CCQ2318A		Tính	6.7	4.2	5.2	
20	2123180004	Nguyễn Sĩ	Trung	03/03/2005	CCQ2318A		Trung	7.0	4.0	5.2	
21	2123180019	Lê Kế	Từ	28/01/2005	CCQ2318A		Từ	7.3	6.4	6.8	
22	2121180007	Đặng Bảo	Tuấn	26/01/2003	CCQ2118A		Tuấn	7.3	4.6	5.7	
23	2123180007	Huỳnh Anh	Việt	04/01/2005	CCQ2318A		Việt	8.0	7.2	7.5	
24	2123180014	Nguyễn Hoàng	Vũ	02/01/2005	CCQ2318A		Vũ	7.0	7.8	7.5	